

## TỔNG QUAN

**Một số NHTW lớn trên thế giới có các cuộc họp CSTT quan trọng trong tháng 3. Động thái chính sách của các NHTW này trái chiều do bối cảnh riêng của từng quốc gia, khu vực kinh tế, đáng chú ý nhất là cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và NHTW Nhật Bản. Mặc dù vậy, có thể dự báo cắt giảm LSCS sẽ là xu hướng chủ đạo của thế giới năm 2024.**

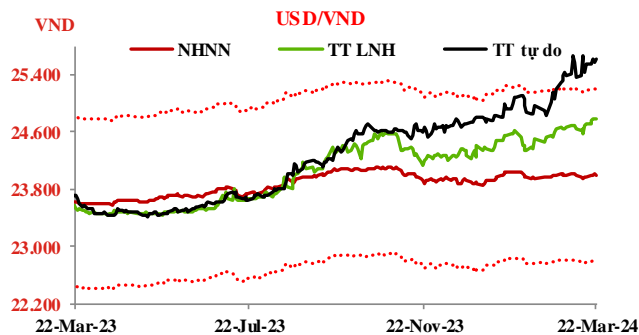
Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed nâng triển vọng kinh tế và lạm phát trong năm 2024, tuy nhiên vẫn không thay đổi dự báo về việc cắt giảm LSCS. Cụ thể, trong cuộc họp hai ngày 19-20/03, Fed nâng triển vọng kinh tế Mỹ trong năm 2024 lên mức 2,1%, tích cực hơn nhiều so với mức 1,4% đưa ra hồi tháng 12/2023. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân lõi PCE cuối 2024 cũng được cơ quan này nâng lên mức 2,6% từ 2,4% của dự báo kỳ trước. Bên cạnh đó, thị trường lao động Mỹ cũng liên tục tạo ra việc làm phi nông nghiệp mới một cách ổn định trong những tháng vừa qua. Fed dự báo tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ cuối năm chỉ ở mức 4,0%, thấp hơn một chút so với mức 4,1% theo dự báo trước. Những dự báo trên cho thấy kinh tế Mỹ đang thực sự chịu được áp lực từ môi trường lãi suất cao, và nhiều khả năng sẽ hạ cánh mềm khi lạm phát hướng tới mục tiêu và Fed cắt giảm LSCS trở lại. Về CSTT, trong cuộc họp vừa qua, Fed giữ nguyên dự báo LSCS cuối năm 2024 sẽ đứng ở mức 4,6% (tức trong khoảng 4,5% - 4,75%), giảm 75 đcb so với mức hiện tại là 5,25% - 5,50%, không thay đổi so với dự báo trước đây. Chủ tịch Fed Jerome Powell sau cuộc họp cũng phát biểu cho rằng cơ quan này đã đạt được những bước tiến lớn trong kiểm soát lạm phát, nhưng con đường phía trước vẫn còn “gập ghềnh”. Quan trọng hơn, ông nhận định LSCS nhiều khả năng đã đạt đỉnh và việc cắt giảm LSCS trong năm nay là điều hợp lý.

Trái chiều với động thái của Fed, NHTW Nhật Bản BOJ nâng LSCS lần đầu tiên sau 17 năm. Tại cuộc họp tuần qua ngày 19/03, BOJ nhận định lạm phát tại Nhật Bản có thể vượt lên mức 2,0% một cách ổn định trong năm 2024. Dữ liệu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần của nước này thực chất đã vượt qua ngưỡng 2,0% trong hơn một năm qua. Bên cạnh đó, trong đợt đàm phán lương gần đây, các công ty lớn tại Nhật Bản cũng đồng ý tăng lương cho người lao động lên mức cao nhất trong vòng 33 năm. Các yếu tố trên là nguyên nhân chủ yếu khiến BOJ quyết định nâng LSCS lên mức 0,1% từ mức -0,1% đã áp dụng từ đầu năm 2016. Đây cũng là lần đầu tiên BOJ có thể tăng LSCS trở lại sau 17 năm. Ngoài ra, BOJ cũng tiến hành thu hẹp và tiến tới chấm dứt biện pháp nói lỏng định lượng QE trong vòng 1 năm tới. Cùng cố thêm cho quan điểm của BOJ, trong báo cáo ngày 22/03, Chính phủ Nhật Bản cho biết GDP của nước này tăng nhẹ 0,1% trong Q4/2023, trái với dự báo giảm nhẹ 0,1%. Các quan chức nước này nhận định, kinh tế đang tăng trưởng ở tốc độ vừa phải, và hy vọng tăng trưởng tiền lương sẽ khiến nhu cầu tiêu dùng (chiếm 50% quy mô GDP) tiếp tục được cải thiện dù lãi suất được BOJ nâng nhẹ.

NHTW Châu Âu ECB, NHTW Anh BOE và NHTW Úc RBA cùng tạm thời giữ quan điểm thận trọng. Các NHTW này cũng họp CSTT trong tháng 3, đều không thay đổi LSCS lần lượt ở mức 4,75%, 5,25% và 4,35%, chờ đợi thêm các dữ liệu về lạm phát và kinh tế trong tương lai để đưa ra động thái tiếp theo. GDP của cả 3 khu vực này đều có dấu hiệu rất yếu ở quý cuối 2023, lần lượt là đi ngang (0,0% q/q), suy giảm -0,3% và tăng nhẹ 0,2% q/q. Lạm phát cũng có những dấu hiệu hạ nhiệt nhanh chóng hơn, lần lượt chỉ còn tăng 2,6%, 3,3% và 3,4% y/y trong tháng 2 vừa qua, không còn cách quá xa mục tiêu lạm phát 2,0% mà cả 3 NHTW cùng theo đuổi.

Nhìn chung, ngoại trừ câu chuyện riêng của Mỹ và Nhật Bản, các nền kinh tế phát triển đều đang cùng chung bối cảnh tăng trưởng yếu ớt và lạm phát đang hạ nhiệt dần theo thời gian. ECB, BOE và RBA đều đang chịu áp lực cắt giảm LSCS nếu muốn hỗ trợ kinh tế hồi phục. Vấn đề của các NHTW này hiện tại chỉ là thời điểm thích hợp để hành động, tránh rủi ro áp lực lạm phát gia tăng trở lại. Theo đó, thời điểm mà Fed đưa ra động thái cắt giảm LSCS (nhiều khả năng là tháng 06/2024) sẽ rất quan trọng (dù có thể đến sau ECB, BOE và RBA), đánh dấu CSTT trên thế giới bước vào giai đoạn đảo chiều trên diện rộng.

**Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 18/03 - 22/03, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng. Chốt ngày 22/03, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.003 VND/USD, tăng 24 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.153 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH trong tuần từ 18/03 - 22/03 tiếp tục tăng dần qua hầu hết các phiên. Kết thúc phiên 22/03, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.770 VND/USD, tăng 50 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do tăng – giảm đan xen trong tuần qua. Chốt phiên 22/03, tỷ giá tự do cùng giảm 103 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.457 VND/USD và 25.537 VND/USD.

**Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

| Kỳ hạn | Lãi suất LNH |       |      |      | Trái phiếu |          |       |
|--------|--------------|-------|------|------|------------|----------|-------|
|        | VND          | W/W   | USD  | W/W  | Kỳ hạn     | Lợi suất | W/W   |
| ON     | 0.20         | -0.66 | 5.21 | 0.01 | 3Y         | 1.46     | 0.059 |
| 1W     | 0.48         | -0.61 | 5.30 | 0.00 | 5Y         | 1.67     | 0.034 |
| 2W     | 1.20         | -0.24 | 5.38 | 0.01 | 7Y         | 2.05     | 0.040 |
| 1M     | 1.76         | -0.28 | 5.40 | 0.00 | 10Y        | 2.54     | 0.012 |
| 2M     | 2.47         | -0.13 | 5.49 | 0.01 | 15Y        | 2.74     | 0.023 |
| 3M     | 2.80         | -0.01 | 5.56 | 0.01 |            |          |       |
| 6M     | 4.15         | -0.04 | 5.63 | 0.00 |            |          |       |
| 9M     | 4.63         | -0.08 | 5.73 | 0.03 |            |          |       |
| 1Y     | 5.26         | -0.03 | 5.76 | 0.02 |            |          |       |

Trong tuần từ 18/03 - 22/03, lãi suất VND LNH giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 22/03, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,20% (-0,66 đpt); 1W 0,48% (-0,61 đpt); 2W 1,20% (-0,24 đpt); 1M 1,76% (-0,28 đpt).

Lãi suất USD LNH hầu như không biến động nhiều ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 22/03, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,21% (+0,01 đpt); 1W 5,30% (không đổi); 2W 5,38% (+0,01 đpt) và 1M 5,40% (không đổi).

**Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TP/NHNN từ 18/03 đến 22/03/2024

| Đơn vị: Tỷ đồng                  | KL chào thầu | KL trúng thầu | KL đảo hạn | Ròng        | KL lưu hành |
|----------------------------------|--------------|---------------|------------|-------------|-------------|
| Nghiệp vụ cầm cố                 | 15,000       | -             | -          | -           | 0,00        |
| Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN | 0            | 69,699,90     | -          | - 69,699,90 | 144,698,80  |
| Tổng cộng                        |              |               |            | - 69,699,90 |             |

Trên thị trường mở tuần qua từ 18/03 - 22/03, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 15.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.

Trong tuần qua, NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 69.699,9 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất giảm từ 1,4%/năm xuống 1,35% rồi 1,32% các phiên sau đó, phiên cuối tuần tăng lên mức 1,7%.

Như vậy, NHNN hút ròng 69.699,9 tỷ VND từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành đứng ở mức 144.698,8 tỷ đồng.

**Thị trường trái phiếu chính phủ:**

**Giao dịch trên thị trường sơ cấp:**

Ngày 20/03, KBNN huy động thành công 6.095 tỷ đồng/13.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu là 45%. Trong đó, kỳ hạn 10Y huy động thành công 3.095 tỷ đồng/5.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 15Y huy động được 3.000 tỷ đồng/5.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 5Y và 30Y gọi thầu lần lượt là 3.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, nhưng đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10Y là 2,39% (+0,03 đpt so với phiên đấu thầu trước), 15Y 2,59% (+0,03 đpt).

Trong tuần này, ngày 27/03, KBNN chào thầu 13.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 7Y chào thầu 2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 5.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 4.500 tỷ đồng và 30Y chào thầu 500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

| TCPH        | Ngày ĐT   | Kỳ hạn | KL gọi thầu  | KL trúng thầu | LS trúng thầu | Thay đổi | Tỷ lệ trúng thầu | Tỷ lệ đặt thầu | Số TV tham gia |
|-------------|-----------|--------|--------------|---------------|---------------|----------|------------------|----------------|----------------|
| MOF         | 20-Mar-24 | 5      | 3000         | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.33           | 1.00           |
| MOF         | 20-Mar-24 | 10     | 5000         | 3095          | 2.39%         | 0.03%    | 62%              | 0.90           | 9.00           |
| MOF         | 20-Mar-24 | 15     | 5000         | 3000          | 2.59%         | 0.03%    | 60%              | 0.70           | 3.00           |
| MOF         | 20-Mar-24 | 30     | 500          | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.20           | 1.00           |
| <b>Tổng</b> |           |        | <b>13500</b> | <b>6095</b>   |               |          | <b>45%</b>       | <b>0.00</b>    |                |

**Giao dịch trên thị trường thứ cấp:** Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp trong tuần qua đạt trung bình 9.062 tỷ đồng/phiên, tăng so với mức 8.815 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

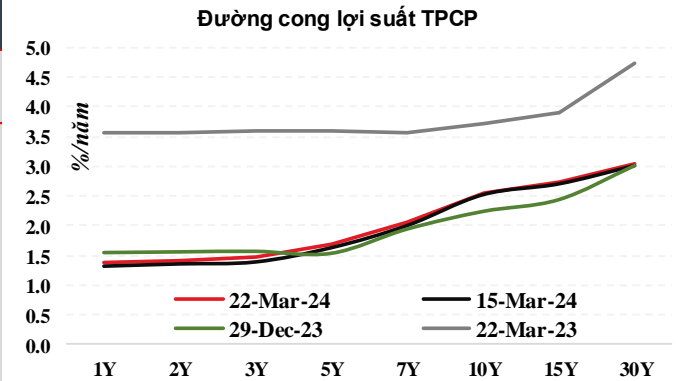
| Thống kê giao dịch Outright |              |              |                |                |                | Thống kê giao dịch Repos |               |              |              |           |               |
|-----------------------------|--------------|--------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------|---------------|--------------|--------------|-----------|---------------|
| Ngày                        | < 2 năm      | 2 - 5 năm    | 5 - 10 năm     | > 10 năm       | Tổng           | Ngày                     | < 31 ngày     | 31 - 60 ngày | 60 - 92 ngày | > 92 ngày | Tổng          |
| 18/Mar/24                   | 111          | 1,180        | 1,360          | 1,885          | <b>4,536</b>   | 18/Mar/24                | 2,171         | 1,837        | -            | -         | <b>4,009</b>  |
| 19/Mar/24                   | 53           | 181          | 1,918          | 2,865          | <b>5,017</b>   | 19/Mar/24                | 573           | 1,491        | -            | -         | <b>2,064</b>  |
| 20/Mar/24                   | 111          | 741          | 1,297          | 2,296          | <b>4,445</b>   | 20/Mar/24                | 4,813         | -            | -            | -         | <b>4,813</b>  |
| 21/Mar/24                   | 887          | 1,124        | 1,322          | 2,399          | <b>5,732</b>   | 21/Mar/24                | 2,485         | 3,121        | -            | -         | <b>5,605</b>  |
| 22/Mar/24                   | 1,144        | 915          | 2,256          | 1,997          | <b>6,313</b>   | 22/Mar/24                | 2,108         | 668          | -            | -         | <b>2,776</b>  |
| <b>Tổng</b>                 | <b>2,306</b> | <b>4,141</b> | <b>8,153</b>   | <b>11,443</b>  | <b>26,043</b>  | <b>Tổng</b>              | <b>12,150</b> | <b>7,117</b> | -            | -         | <b>19,267</b> |
| <b>+_ WoW</b>               | <b>1,873</b> | <b>1,982</b> | <b>(4,476)</b> | <b>(3,612)</b> | <b>(4,233)</b> | <b>+_ WoW</b>            | <b>1,835</b>  | <b>3,631</b> |              |           | <b>5,467</b>  |
| <b>% WoW</b>                | <b>432%</b>  | <b>92%</b>   | <b>-35%</b>    | <b>-24%</b>    | <b>-14%</b>    | <b>% WoW</b>             | <b>18%</b>    | <b>104%</b>  |              |           | <b>40%</b>    |
| <b>Tỷ trọng</b>             | <b>9%</b>    | <b>16%</b>   | <b>31%</b>     | <b>44%</b>     | <b>100%</b>    | <b>Tỷ trọng</b>          | <b>63%</b>    | <b>37%</b>   | <b>0%</b>    | <b>0%</b> | <b>100%</b>   |

Dvt: Tỷ đồng

Dvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua tiếp tục xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Chốt phiên 22/03, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,39% (+0,06 đpt so với phiên trước đó); 2Y 1,41% (+0,05 đpt); 3Y 1,46% (+0,06 đpt); 5Y 1,67% (+0,03 đpt); 7Y 2,05% (+0,04 đpt); 10Y 2,54% (+0,01 đpt); 15Y 2,74% (+0,03 đpt); 30Y 3,04% (+0,02 đpt).

| Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp |              |              |              |              |              |              |              |              |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| %/năm                                      | 1Y           | 2Y           | 3Y           | 5Y           | 7Y           | 10Y          | 15Y          | 30Y          |
| <b>22-Mar-24</b>                           | <b>1.39</b>  | <b>1.41</b>  | <b>1.46</b>  | <b>1.67</b>  | <b>2.05</b>  | <b>2.54</b>  | <b>2.74</b>  | <b>3.04</b>  |
| <b>So WoW</b>                              | <b>0.06</b>  | <b>0.05</b>  | <b>0.06</b>  | <b>0.03</b>  | <b>0.04</b>  | <b>0.01</b>  | <b>0.023</b> | <b>0.02</b>  |
| <b>So YoY</b>                              | <b>-2.16</b> | <b>-2.15</b> | <b>-2.13</b> | <b>-1.92</b> | <b>-1.50</b> | <b>-1.19</b> | <b>-1.17</b> | <b>-1.71</b> |
| <b>So YTD</b>                              | <b>-0.16</b> | <b>-0.14</b> | <b>-0.11</b> | <b>0.139</b> | <b>0.11</b>  | <b>0.31</b>  | <b>0.30</b>  | <b>0.03</b>  |



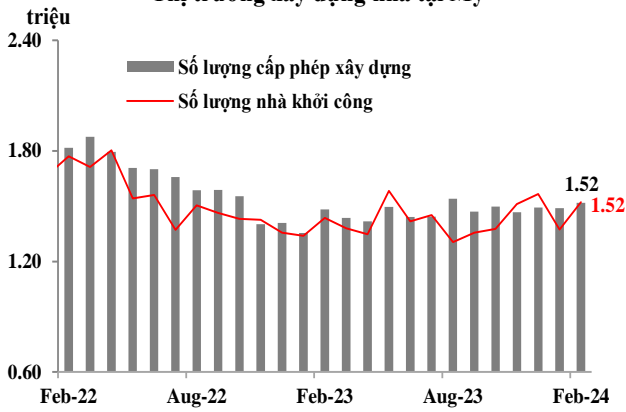
• **Thị trường chứng khoán**

|                                   | 22/03/24 | VN-Index   | HNX-Index | Upcom   |
|-----------------------------------|----------|------------|-----------|---------|
| <b>Điểm</b>                       |          | 1281.80    | 241.68    | 90.95   |
| <i>thay đổi so với tuần trước</i> |          | 1.43%      | 0.89%     | -0.44%  |
| <i>thay đổi so với đầu năm</i>    |          | 13.44%     | 4.61%     | 4.49%   |
| <b>KLGD/phiên (tr.đ.v)</b>        |          | 1,233.73   | 124.52    | 0.04    |
| <i>thay đổi so với tuần trước</i> |          | 75.57%     | 84.08%    | -99.96% |
| <b>GTGD/phiên (tỷ đ)</b>          |          | 30424.45   | 2591.21   | 0.0005  |
| <i>thay đổi so với tuần trước</i> |          | 47.25%     | 44.85%    | -65.85% |
| <b>ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)</b>   |          | (2,664.44) | 90.38     | 0.001   |

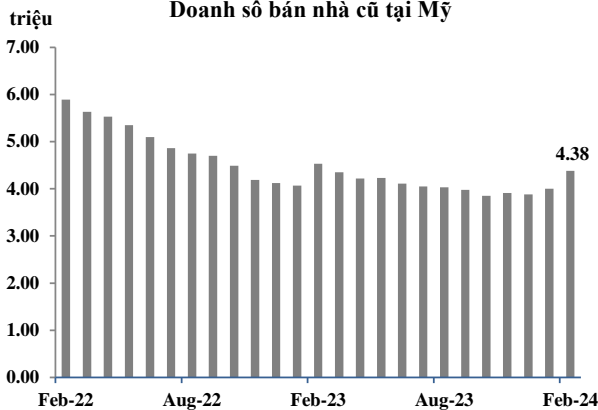
Trong tuần từ 18/03 - 22/03, tương tự tuần trước đó, thị trường chứng khoán điều chỉnh mạnh phiên đầu tuần nhưng đã phục hồi tích cực sau đó. Chốt phiên 22/03, VN-Index đứng ở mức 1.281,80 điểm, tăng 18,02 điểm (+1,43%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index tăng 1,14 điểm (+0,89%) lên mức 241,68 điểm; UPCOM-Index giảm nhẹ 0,40 điểm (-0,44%) xuống mức 90,95 điểm.

Thanh khoản thị trường ở mức rất cao, trung bình đạt 33.000 tỷ đồng/phiên, tăng tích cực từ mức 27.500 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 2.600 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

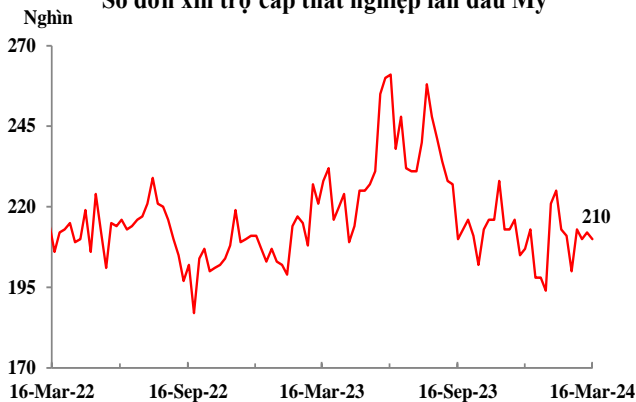
**Thị trường xây dựng nhà tại Mỹ**



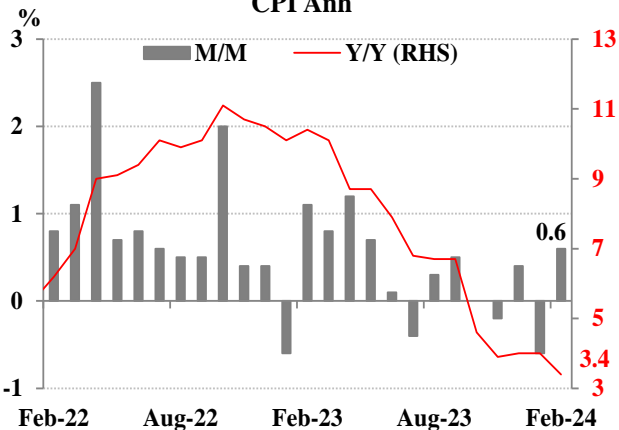
**Doanh số bán nhà cũ tại Mỹ**



**Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ**



**CPI Anh**



**Nước Mỹ ghi nhận một số thông tin kinh tế đáng chú ý.** Đầu tiên, tại lĩnh vực xây dựng, số cấp phép xây dựng nhà và số nhà khởi công tại Mỹ lần lượt ghi nhận ở mức 1,52 triệu đơn và 1,52 triệu căn trong tháng 2, cao hơn so với 1,49 triệu đơn và 1,37 triệu căn của tháng 1, đồng thời cũng cao hơn so với mức 1,50 triệu đơn và 1,43 triệu căn theo kỳ vọng. Bên cạnh đó, doanh số bán nhà cũ tại thị trường này đạt 4,38 triệu căn trong tháng 2, tăng khá mạnh so với mức 4,0 triệu của tháng 1 và đồng thời cao hơn so với mức 3,95 triệu căn theo dự báo. Đây là tháng có mức doanh số cao nhất kể từ tháng 03/2023. Tiếp theo, S&P Global khảo sát cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại Mỹ đạt 52,5 điểm trong tháng 3, tăng nhẹ từ mức 52,2 điểm của tháng 2 và đồng thời cao hơn mức 51,8 điểm theo dự báo. Ngược lại, PMI lĩnh vực dịch vụ trong tháng này chỉ đạt 51,7 điểm, giảm xuống từ 52,3 điểm của tháng 2, thấp hơn so với mức 52,0 điểm theo dự báo. Tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 16/03 ở mức 210 nghìn đơn, trái với dự báo đi ngang ở mức 212 nghìn đơn như kết quả thống kê của tuần trước đó. Số đơn trung bình 4 tuần gần nhất ở mức 211,25 nghìn, tăng nhẹ 2,5 nghìn so với trung bình 4 tuần liền trước. Cuối cùng cán cân vãng lai nước Mỹ thâm hụt 195 tỷ USD trong quý cuối năm 2023, gần bằng mức thâm hụt 209 tỷ của quý trước đó, song vẫn thấp hơn một chút so với mức thâm hụt 209 tỷ theo dự báo. Trong tuần này, thị trường tiếp tục chờ đợi báo cáo chính thức về GDP Mỹ Q4/2023 và chỉ số giá tiêu dùng PCE lõi tháng 2/2024, lần lượt được công bố vào tối ngày 28-29/03 theo giờ Việt Nam.

**NHTW Anh BOE không thay đổi LSCS trong cuộc họp tháng 3, đồng thời nền kinh tế Anh cũng đón một số chỉ báo quan trọng.** Trong cuộc họp ngày 21/03, BOE dự báo CPI toàn phần sẽ giảm xuống dưới mục tiêu 2,0% một chút trong Q2/2024 sau đó tăng nhẹ trở lại ở Q3 và Q4. MPC quyết định duy trì LSCS ở mức 5,25%, không thay đổi so với trước, đồng thời giữ quan điểm rằng CSTT thắt chặt cần được duy trì trong thời gian đủ dài cho đến khi hết nguy cơ lạm phát vượt qua mục tiêu 2,0%. MPC sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ các dấu hiệu về áp lực lạm phát và khả năng phục hồi của nền kinh tế để đưa ra những quyết định tiếp theo. Liên quan đến kinh tế Anh, chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 3,4% và 4,5% y/y trong tháng 2, giảm tốc khá nhiều so với mức 4,0% và 5,1% của tháng trước đó, gần khớp với mức 3,5% và 4,6% theo dự báo. Tiếp theo, doanh số bán lẻ tại nước Anh đi ngang trong tháng 2 (0,0% m/m) sau khi tăng 3,6% m/m ở tháng 1, trái với dự báo giảm nhẹ 0,4%. So với cùng kỳ năm 2023, doanh số bán lẻ nước Anh giảm nhẹ 0,4% y/y. Cuối cùng, S&P Global cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại nước này ở mức 49,9 điểm trong tháng 3, tăng lên từ 47,5 điểm của tháng trước và vượt qua mức 47,9 điểm theo kỳ vọng. PMI lĩnh vực dịch vụ tại Anh ghi nhận mức 53,4 điểm trong tháng này, trái với dự báo tiếp tục ở mức 53,8 điểm của tháng 2.

Dow Jones  
(Mỹ)



39475.90  
1.97%

DAX  
(Đức)



18205.94  
1.50%

Shanghai  
(Trung Quốc)



3048.03  
-0.22%

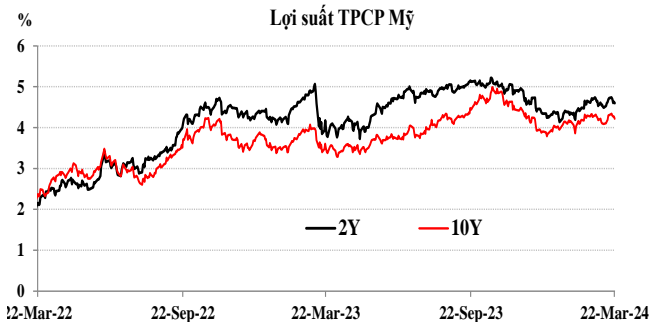
Chứng khoán thế giới phân hóa nhẹ trong tuần qua. Kết thúc phiên 22/03, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng khá 1,97% w/w, DAX tăng 1,50% và Shanghai giảm nhẹ 0,22%. Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục bùng nổ trong tuần vừa qua sau khi Fed công bố dự báo về nền kinh tế và đường đi của LSCS trong tương lai.

Giá vàng đi lên, đóng cửa phiên ngày 22/03 ở mức 2.164,15 USD/oz, tương đương tăng 0,40% w/w. Kim loại quý này có tuần phục hồi trở lại sau khi Fed không còn thiên quá nhiều về trạng thái điều hòa, thay vào đó phát đi các thông điệp thận trọng, báo hiệu cho việc CSTT gần như chắc chắn đảo chiều trong nửa cuối năm nay.

Giá dầu giảm trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 80,63 USD/thùng, tương đương giảm 0,51% w/w. Giá dầu không có nhiều biến động quá mạnh trong tuần qua, chủ yếu do thị trường chờ đợi các thông tin liên quan đến cuộc đàm phán ngừng bắn tại dải Gaza. Thị trường kỳ vọng các cuộc đàm phán sẽ mang lại kết quả tích cực, tạo điều kiện để hoạt động vận tải ở Biển Đỏ có thể trở lại bình thường.

|                   | 22 Mar 24 | Tuần (%) | Đầu năm (%) | Biến động 2023 (%) |
|-------------------|-----------|----------|-------------|--------------------|
| USD index         | 104.00    | 0.55%    | 2.64%       | -2.11%             |
| USD/CNY           | 7.23      | 0.47%    | 1.85%       | 2.91%              |
| USD/EUR           | 0.93      | 0.76%    | 2.14%       | -3.03%             |
| USD/JPY           | 151.42    | 1.61%    | 7.34%       | 7.59%              |
| USD/KRW           | 1343.43   | 0.96%    | 3.79%       | 2.66%              |
| USD/SGD           | 1.35      | 0.81%    | 2.21%       | -1.55%             |
| USD/TWD           | 31.94     | 1.04%    | 4.08%       | 0.34%              |
| USD/THB           | 36.35     | 1.37%    | 5.82%       | -0.75%             |
| USD/VND Trung tâm | 24003     | 0.10%    | 0.57%       | 1.08%              |
| USD/VND LNH       | 24770     | 0.20%    | 2.14%       | 2.99%              |
| USD/VND tự do     | 25518     | 0.20%    | 3.14%       | 4.40%              |
| Vàng              | 2164.15   | 0.40%    | 4.92%       | 13.06%             |
| Dầu WTI           | 80.63     | -0.51%   | 12.53%      | -10.73%            |

Lợi suất TPCP Mỹ



## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**

Email: ninhnnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)